

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 6
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	7
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	8 - 12
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	13 - 15
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	16 - 17
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	18 - 56

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (Công ty mẹ) và các công ty con đã được soát xét.

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện hoạt động theo Giấy phép thành lập số 3633/GP-UB, ngày 01 tháng 8 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội với thời gian hoạt động là 25 năm.

Trong quá trình hoạt động, Tổng Công ty đã 10 lần được Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh về việc tăng vốn điều lệ và thành lập thêm các công ty thành viên.

Vốn điều lệ thực tế đến ngày 30/6/2014

503.957.090.000 VND

Trong đó:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
<i>Cổ đông sáng lập</i>	<i>281.123.560.000</i>	<i>55,78</i>
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	182.256.480.000	36,16
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	44.452.800.000	8,82
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	35.562.240.000	7,06
Công ty Cổ phần Thương mại Bưu chính Viễn thông	10.469.300.000	2,08
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	8.382.740.000	1,66
<i>Cổ đông khác</i>	<i>222.833.530.000</i>	<i>44,22</i>
Cộng	503.957.090.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
 Điện thoại : 043 772 4466
 Fax : 043 772 4460
 Mã số thuế : 0 1 0 0 7 7 4 6 3 1

Các đơn vị trực thuộc:

	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hồ Chí Minh	Số 18 Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP Hồ Chí Minh
2	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Đà Nẵng	22 Đường Hàm Nghi, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
3	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Phòng	Tầng 7 Tòa nhà Trung tâm Thương mại, số 22 Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng
4	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Cần Thơ	2A1 Đường 30/4, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
5	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bắc Trung bộ	16 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
6	Công ty Bảo hiểm Bưu điện khu vực Phía Bắc	Đường Nguyễn Tất Thành, Trưng Vương, Thành Phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
7	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Đồng Nai	Số R64, R65 Võ Thị Sáu nối dài, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
8	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tây Nguyên	27 Trần Khánh Dư, Phường Tân Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

	Tên đơn vị	Địa chỉ
9	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Nam Trung bộ	Số 12E Đường Hoàng Hoa Thám, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
10	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Cà Mau	43 Trần Hưng Đạo, Phường 5, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
11	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bình Định	Tầng 4 số 2 Trần Thị Kỳ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
12	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bình Dương	Số 150 đường Ngô Gia Tự, Phường Chánh Nghĩa, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
13	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Quảng Ninh	156B tầng 3 tòa nhà Đại Hải, Lê Thánh Tông, Phường Bạch Đằng, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
14	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thanh Hóa	Tầng 5, Số 11 Hạc Thành, Phường Điện Phủ, TP.Thanh Hoá
15	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thừa Thiên Huế	Tầng 2, toà nhà 51 Hai Bà Trưng, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
16	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thăng Long	100 Thái Thịnh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
17	Công ty Bảo hiểm Bưu điện An Giang	Số 5/2 Đường Tôn Đức Thắng, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
18	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Long An	Số 113 Hùng Vương, Phường 2, Thị xã Tân An, Tỉnh Long An
19	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Vĩnh Phúc	Số 2, Đường Ngô Quyền, Thị xã Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
20	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Sài Gòn	Phòng 2-3, tầng 3, tòa nhà Gilimex, 24 Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
21	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bắc Ninh	16 Đường Lý Thái Tổ, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.
22	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Lào Cai	Số 121 Đường Thanh Niên, P Duyên hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai
23	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Khu vực Nam Sông Hồng	Số 08, Đường Lê Đại Hành, Phường Thanh Bình, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình.
24	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bến Thành	Số 216 Đường Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
25	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hà Nội	A4D6 Khu đô thị mới Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
26	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Hưng	Số 108, Nguyễn Lương Bằng, TP.Hải Dương, tỉnh Hải Dương
27	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tiền Giang	Số 59, đường 30/4, Phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
28	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thủ Đô	Tầng 2, số 12 Hoàng Cầu, Ba Đình, Hà Nội
29	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Khu vực Bình Trị Thiên	Số 146, đường Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
30	Văn phòng đại diện Tổng Công ty Khu vực phía Nam	Số 27, Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Lĩnh vực kinh doanh: kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ

Các nghiệp vụ được phép kinh doanh:

- Kinh doanh bảo hiểm gốc:
 - Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người;
 - Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại;
 - Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường hàng không;
 - Bảo hiểm trách nhiệm chung;
 - Bảo hiểm xe cơ giới;
 - Bảo hiểm cháy, nổ;
 - Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh.
- Kinh doanh tái bảo hiểm: Nhận và nhượng tái bảo hiểm liên quan đến các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ.
- Tiến hành các hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật.
- Giám định tổn thất.
- Đại lý giám định tổn thất, xét giải quyết bồi thường, yêu cầu người thứ ba bồi hoàn.
- Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp cam kết
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam	Tầng 3 Số 157 Trần Phú, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	Đại lý mua bán, phân phối các sản phẩm dầu thô, xăng dầu, khí đốt, dầu nhờn và các sản phẩm hóa dầu; Sản xuất, chế biến các sản phẩm xăng dầu, khí đốt; pha chế dầu nhờn các sản phẩm hóa dầu, gas, chiết nạp gas; tái chế phế phẩm từ xăng dầu.	51,00%
Công ty Cổ phần IBS Việt Nam	Số 9, ngách 67 Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	Thiết kế mạng thông tin, bưu chính viễn thông công trình xây dựng; Sản xuất, mua bán, cho thuê máy móc, vật tư, thiết bị linh kiện, phụ tùng công nghệ cao trong lĩnh vực bưu chính viễn thông.	95,00%

Các công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp cam kết
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Tầng 5 Lô 18 Khu Đô Thị Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh và cho thuê bất động sản, văn phòng làm việc, căn hộ, nhà ở, khách sạn, nhà hàng, ki ốt, trung tâm thương mại, siêu thị	49,00%
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử (KASATI)	270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP Hồ Chí Minh	Sản xuất lắp ráp thiết bị viễn thông điện tử tin học.	21,30%
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang	Số 13, đường Suphanuvong, thành phố Viêng Chăn, Cộng hòa DCND Lào	Kinh doanh lĩnh vực Bảo hiểm phi nhân thọ	40,00%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 56).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch	27 tháng 4 năm 2011	
Ông Hồ Công Trung	Ủy viên	14 tháng 5 năm 2010	16 tháng 4 năm 2014
Ông Mai Xuân Dũng	Ủy viên	14 tháng 5 năm 2010	
Ông Nguyễn Trường Giang	Ủy viên	14 tháng 4 năm 2011	
Bà Phạm Thị Minh Hương	Ủy viên	25 tháng 4 năm 2013	
Bà Trần Thị Thanh Hương	Ủy viên	16 tháng 4 năm 2014	
Bà Trần Thị Minh	Ủy viên	16 tháng 4 năm 2014	

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Quốc Kế	Trưởng Ban	14 tháng 5 năm 2010
Ông Đỗ Anh Tuấn	Thành viên	14 tháng 5 năm 2010
Bà Nguyễn Hồng Linh	Thành viên	25 tháng 4 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Thành viên	25 tháng 4 năm 2013

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Trường Giang	Tổng Giám đốc	17 tháng 4 năm 2011
Ông Nguyễn Đức Bình	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 1 năm 2008
Ông Bùi Xuân Thu	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 7 năm 2010
Ông Đỗ Quang Khánh	Phó Tổng Giám đốc	30 tháng 3 năm 2011
Ông Huỳnh Việt Khoa	Phó Tổng Giám đốc	30 tháng 3 năm 2011
Ông Bùi Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc	07 tháng 7 năm 2014

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

5-00
NHÂN
V
T
HIỆM H
AN VÀ
A & C
AI H
ĐA -

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)


- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ theo Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Nguyễn Trường Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2014



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0721/2014/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, được lập ngày 28 tháng 8 năm 2014, từ trang 08 đến trang 56 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Hoàng Đức – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2014

Phạm Quang Huy – Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1409-2013-008-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.654.658.406.955	1.313.500.785.822
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	66.946.756.238	46.283.085.159
1.	Tiền	111		40.946.756.238	44.083.085.159
2.	Các khoản tương đương tiền	112		26.000.000.000	2.200.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	784.300.892.930	627.091.744.305
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		786.107.525.111	627.203.364.808
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.806.632.181)	(111.620.503)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		351.339.223.712	318.294.893.779
1.	Phải thu khách hàng	131	V.3	209.840.990.075	195.643.607.519
1.1	Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1		184.187.157.734	182.202.488.569
1.2	Phải thu khác của khách hàng	131.2		25.653.832.341	13.441.118.950
2.	Trả trước cho người bán	132	V.4	43.237.246.796	56.479.039.329
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Các khoản phải thu khác	135	V.5	156.904.160.635	115.875.187.591
5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(58.643.173.794)	(49.702.940.660)
IV.	Hàng tồn kho	140		6.664.066.990	8.645.993.844
1.	Hàng tồn kho	141		6.664.066.990	8.645.993.844
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		85.630.879.021	24.123.192.066
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	49.210.450.939	1.031.060.826
1.1	Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1	V.7	47.764.221.272	-
1.2	Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		1.446.229.667	1.031.060.826
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		72.923.432	1.610.382.165
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	1.382.813.364	669.896.921
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	34.964.691.286	20.811.852.154
VIII.	Tài sản tái bảo hiểm	190		359.776.588.064	289.061.876.669
1	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		155.033.417.739	125.845.725.944
2	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		204.743.170.325	163.216.150.725

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		548.791.163.487	701.900.517.781
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.780.000.000	10.780.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		10.780.000.000	10.780.000.000
4.1 Ký quỹ bảo hiểm	218.1		10.780.000.000	10.780.000.000
4.2 Phải thu dài hạn khác	218.2		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		213.772.576.951	206.453.446.234
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	45.955.680.453	36.047.481.458
<i>Nguyên giá</i>	222		95.856.260.220	82.135.211.812
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(49.900.579.767)	(46.087.730.354)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	46.124.251.716	45.733.580.554
<i>Nguyên giá</i>	228		49.017.077.011	48.244.677.011
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.892.825.295)	(2.511.096.457)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	121.692.644.782	124.672.384.222
III. Bất động sản đầu tư	240	V.13	6.994.763.527	6.994.763.527
<i>Nguyên giá</i>	241		6.994.763.527	6.994.763.527
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		306.740.456.488	463.364.809.107
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	112.424.063.773	113.046.216.392
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	200.814.837.308	356.817.037.308
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.16	(6.498.444.593)	(6.498.444.593)
V. Tài sản dài hạn khác	260		10.503.366.521	14.307.498.913
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	5.772.597.285	9.407.170.673
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		4.730.769.236	4.900.328.240
VII. Lợi thế thương mại	249		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	250		2.203.449.570.442	2.015.401.303.603

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		1.556.209.184.227	1.355.663.198.129
I. Nợ ngắn hạn		310		1.530.062.971.651	1.318.043.909.465
1.	Vay ngắn hạn	311	V.18	-	3.500.000.000
2.	Phải trả người bán	312	V.19	98.673.097.088	105.857.543.552
2.1	Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1		74.728.216.643	86.981.979.394
2.2	Phải trả khác cho người bán	312.2		23.944.880.445	18.875.564.158
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.20	10.059.324.019	4.344.377.211
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	17.456.791.588	21.348.412.599
5.	Phải trả người lao động	315		31.039.929.267	30.774.926.552
6.	Chi phí phải trả	316	V.22	15.119.431.384	369.389.019
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	103.052.229.379	37.958.060.528
9.	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1		17.564.995.616	-
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		842.947.404	39.637
12	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
13	Dự phòng nghiệp vụ	329	V.24	1.236.254.225.906	1.113.891.160.367
13.1	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1	V.24	784.584.099.200	760.018.973.868
13.2	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2	V.24	408.773.700.732	317.364.237.763
13.3	Dự phòng dao động lớn	329.3	V.24	42.896.425.974	36.507.948.736
II. Nợ dài hạn		330		26.146.212.576	37.619.288.664
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.25	1.337.163.136	1.290.163.136
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		215.900.487	215.900.487
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		24.593.148.953	36.113.225.041
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		646.355.660.690	658.782.932.851
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.26	646.355.660.690	658.782.932.851
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		503.957.090.000	503.957.090.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		60.296.215.488	60.296.215.488
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		17.511.684.675	17.491.684.675
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		25.188.932.646	22.476.110.676
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		39.401.737.881	54.561.832.012
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	429	V.27	884.725.525	955.172.623
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		2.203.449.570.442	2.015.401.303.603

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm		194.588.490.580	171.067.133.877
6. Hợp đồng nhận tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm		-	-
7. Hợp đồng nhượng tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm		-	-
8. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		97.315,51	98.184,59
Euro (EUR)		887,83	887,83
Bảng Anh (£)		367,63	367,63
9. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

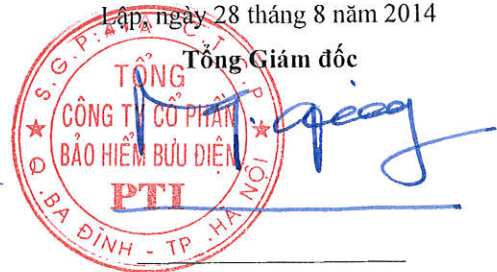
Nguyễn Thị Ngọc Khuê

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trường Giang

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

PHẦN I: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
1.1 Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10.1		659.404.386.260	639.978.461.228
1.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	10.2	VI.2	49.962.020.981	151.271.998.392
2. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11		-	-
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	VI.6	50.994.130.319	53.286.291.840
4. Thu nhập khác	13		143.365.784	392.729.585
5.1 Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20.1		464.385.340.190	455.954.566.036
5.2 Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	20.1	VI.3	45.859.845.949	145.736.232.569
6. Giá vốn bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.7	12.902.710.891	11.509.891.956
8.1 Chi phí bán hàng	23.1	VI.4	1.146.187.643	1.054.550.662
8.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.2	VI.5	185.064.596.352	196.550.203.458
9. Chi phí khác	24		187.965.264	170.839.293
10.1 Phần lợi nhuận trong Công ty liên doanh liên kết	50.1		(470.842.905)	(133.249.632)
10.2 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10.1+10.2+11+12+13-20-21-22-23-24)	50.2		50.486.414.149	33.819.947.439
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.21	11.018.985.907	7.273.581.259
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		39.467.428.242	26.546.366.181
13.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	60.1		(40.227.395)	38.559.036
13.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	60.1		39.507.655.637	26.507.807.145
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	784	526

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**PHẦN II: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu phí bảo hiểm gốc	01	VI.1	755.639.597.448	700.602.553.143
Trong đó				
- Phí Bảo hiểm gốc	01.1		741.897.565.605	676.201.224.936
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		38.307.157.174	48.834.143.660
- Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		24.565.125.331	24.432.815.453
2. Phí nhượng tái bảo hiểm	02		112.169.307.194	82.068.145.324
Trong đó				
- Phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		141.356.998.989	82.068.145.324
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		29.187.691.795	-
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 - 02)	03		643.470.290.254	618.534.407.819
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		15.934.096.006	21.444.053.409
Trong đó				
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		15.800.501.778	21.211.483.879
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		133.594.228	232.569.530
5.1 Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10.1		659.404.386.260	639.978.461.228
5.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	10.2	VI.2	49.962.020.981	151.271.998.392
6. Chi bồi thường (11 = 11.1 - 11.2)	11		294.643.850.672	305.622.106.473
Trong đó				
- Tổng chi bồi thường	11.1		299.495.733.486	309.273.585.088
- Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2		4.851.882.814	3.651.478.615
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		56.304.404.620	32.691.957.851
8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		91.409.462.968	40.685.622.491
9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		41.527.019.600	-
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15		288.221.889.420	313.615.771.113
11. Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	16		6.388.477.238	6.429.672.232
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17		169.774.973.532	135.909.122.691
Trong đó:				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		42.106.255.056	85.708.284.966
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		127.668.718.476	50.200.837.725

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
13.1 Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18.1		464.385.340.190	455.954.566.036
13.2 Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	18.2	VI.3	45.859.845.949	145.736.232.569
14.1 Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)	19.1		195.019.046.069	184.023.895.192
14.2 Lợi nhuận gộp cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác (19.1 = 10.1 - 18.1)	19.2		4.102.175.032	5.535.765.823
15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	20		-	-
16. Giá vốn bất động sản đầu tư	21		-	-
17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22 = 20 - 21)	22		-	-
18. Doanh thu hoạt động tài chính	23	VI.6	50.994.130.319	53.286.291.840
19. Chi phí hoạt động tài chính	24	VI.7	12.902.710.891	11.509.891.956
20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 - 24)	25		38.091.419.428	41.776.399.884
21.1 Chi phí bán hàng	26.1	VI.4	1.146.187.643	1.054.550.662
21.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.2	VI.5	185.064.596.352	196.550.203.458
22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 19.1 + 22 + 25 - 26.1 - 26.2)	30		51.001.856.534	33.731.306.779
23. Thu nhập khác	31		143.365.784	392.729.585
24. Chi phí khác	32		187.965.264	170.839.293
25. Lợi nhuận khác (54 = 52 - 53)	40		(44.599.480)	221.890.292
25.1 Phần lợi nhuận trong Công ty liên doanh liên kết	41		(470.842.905)	(133.249.632)
26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)	50		50.486.414.149	33.819.947.439
27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	11.018.985.907	7.273.581.259
28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
29. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		39.467.428.242	26.546.366.181
37. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61.1		(40.227.395)	38.559.036
38. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61.2		39.507.655.637	26.507.807.145
30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	784	526

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Khuê

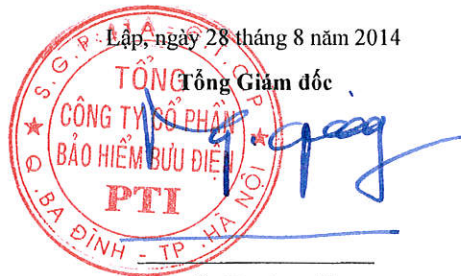
Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trường Giang

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	50.486.414.149	33.819.947.439
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.194.578.251	5.338.221.006
- Các khoản dự phòng	03	62.283.598.956	83.654.310.082
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(33.319.156.021)	(44.766.328.982)
- Chi phí lãi vay	06 VI.7	8.555.555	1.136.250.959
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	83.653.990.890	79.182.400.504
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(98.041.691.171)	(80.106.500.091)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.981.926.854	17.853.292.297
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	33.976.340.188	(16.650.446.002)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(44.544.816.725)	(266.817.753)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(8.555.555)	(1.136.250.959)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(14.126.911.432)	(17.721.858.915)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.639.386.864	1.021.068.358
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(592.303.155)	(685.246.720)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(36.062.633.242)	(18.510.359.281)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(11.513.708.968)	(14.519.839.234)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(298.026.610.000)	(295.100.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	325.852.200.000	264.050.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.520.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	20.280.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	44.651.255.648	52.065.064.245
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	60.963.136.680	24.255.225.011

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯỞI ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	37.956.862.950
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34 V.18	(3.500.000.000)	(38.560.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(736.832.359)	(545.247.264)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(4.236.832.359)</i>	<i>(1.148.384.314)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	20.663.671.079	4.596.481.416
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	46.283.085.159	72.097.225.837
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	66.946.756.238	76.693.707.253

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Khuê

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2014

Tổng Giám đốc

Nguyễn Trường Giang

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện, các công ty con và lợi ích của Tổng Công ty tại các công ty liên kết.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ** : Công ty Cổ phần

2. **Hoạt động kinh doanh chính trong năm**

Cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định pháp luật.

3. **Tổng số các công ty con** : 02

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: -

4. **Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu theo cam kết</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam	Tầng 3 Số 157 Trần Phú, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	51%	93,63%
Công ty Cổ phần IBS Việt Nam	Số 9, ngách 67 Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	95%	98%

5. **Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu theo cam kết</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ</u>
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Tầng 5 Lô 18 Khu Đô Thị Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	49,00%	95,32%
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử (KASATI)	270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP Hồ Chí Minh	21,30%	21,30%
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang	Số 13, đường Suphanuvong, thành phố Viêng Chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	40,00%	40,00%

6. **Nhân viên**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện có 1.111 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 1.096 nhân viên).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chế độ Kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tổng Công ty phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua. Giá trị hợp lý thuần của tài sản được xác định bằng giá trị số sách kế toán.

4. Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tổng Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tổng Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tổng Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tổng Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Máy móc và thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Toàn Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kê toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí phát triển đại lý

Chi phí phát triển đại lý được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Tiền thuê văn phòng

Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê.

Công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên phân bổ 2 năm, công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị nhỏ hơn 5 triệu đồng phân bổ 1 năm.

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

15. Các quỹ dự phòng nghiệp vụ và chi phí hoa hồng chưa được phân bổ

Tổng Công ty trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 30 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại, cụ thể:

- Đối với bảo hiểm hàng hoá, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 25% trên tổng phí giữ lại.
- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 50% trên tổng phí giữ lại.

Chi phí hoa hồng chưa phân bổ

Chi phí hoa hồng bảo hiểm được xác định theo tỷ lệ quy định trên doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm và được giữ lại trên tài khoản chi phí hoa hồng chưa được phân bổ tương ứng theo tỷ lệ dự phòng phí chưa được hưởng.

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu bồi thường chưa giải quyết được Tổng Công ty trích lập theo phương pháp từng hồ sơ trên cơ sở ước tính tổn thất phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Tổng Công ty.

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường được trích lập theo công thức sau đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm:

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường cho năm tài chính hiện tại	=	$\frac{\text{Tổng số tiền bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường của 3 năm tài chính trước liên tiếp}}{\text{Tổng số tiền bồi thường phát sinh của 3 năm tài chính trước liên tiếp}}$	x	$\frac{\text{Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại}}{\text{Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại}}$	x	$\frac{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh Bảo hiểm của năm tài chính hiện tại}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính trước}}$	x	$\frac{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường bình quân của năm tài chính hiện tại}}{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường BQ của năm tài chính trước}}$
--	---	---	---	---	---	--	---	---

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng dao động lớn

Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí thực giữ lại trong năm tài chính. Mức trích lập trong năm là 1% phí giữ lại. Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành và công bố bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam bao gồm Chuẩn mực kế toán số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do khoản dự phòng này phản ánh “các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính”. Tuy nhiên, Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng Chuẩn mực kế toán số 19 và theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 về việc quy định Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập các quỹ

Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm và số dư tối đa bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007.

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Công thương công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013: 21.085 VND/USD
30/6/2014 : 20.360 VND/USD

21. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 30 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Cụ thể như sau:

- (1) Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm hoặc có bằng chứng doanh nghiệp bảo hiểm đã chấp nhận bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm.
- (2) Hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và doanh nghiệp bảo hiểm có thoả thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm.

Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm thoả thuận với bên mua bảo hiểm việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ thì doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán vào thu nhập phần phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải nộp phí theo thoả thuận.

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối của niên độ kế toán được ghi nhận ở chi tiêu "Người mua trả tiền trước" trên Bảng cân đối kế toán.

Chi bồi thường

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Tổng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối kỳ được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Hoa hồng

Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ riêng theo Thông tư số 124/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thi hành Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Luật kinh doanh bảo hiểm và Thông tư 86/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2009 của BTC.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Hoạt động nhận tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định

Doanh thu và chi phí nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bằng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập các báo cáo tài chính, chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thoả thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bằng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của nhà nhượng tái bảo hiểm.

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bằng kê thanh toán (đối với từng thoả thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Chi phí bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bằng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thoả thuận tái bảo hiểm và nhận được bằng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Hoạt động nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thoả thuận bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thoả thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Hoạt động đầu tư

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

22. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Tổng Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Tổng Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tổng Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

23. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tổng Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

24. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tổng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trọng năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.987.454.573	5.590.135.498
Tiền gửi ngân hàng	25.159.315.887	38.129.949.661
Tiền đang chuyển	10.799.985.778	363.000.000
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)	26.000.000.000	2.200.000.000
Cộng	66.946.756.238	46.283.085.159

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		71.780.915.111		43.913.364.808
<i>VFA</i>	482.000	3.089.948.500	1.482.000	9.500.628.629
<i>VNR</i>	1.500.000	14.261.500.905	1.500.000	14.261.500.905
<i>BCC</i>	-	-	264.300	1.398.864.427
<i>DMC</i>	-	-	10.000	466.198.250
<i>DXG</i>	-	-	84.190	1.022.124.391
<i>ITA</i>	300.330	2.457.015.714	-	-
<i>HDG</i>	-	-	99.100	1.482.114.620

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
IMP	-	-	29.450	1.075.085.607
SVC	-	-	60.000	901.350.000
TCL	-	-	111.410	2.795.186.500
TLG	6	164.533	18.856	526.411.843
VSC	-	-	9.600	500.950.300
VF4	-	-	198.470	1.515.642.058
CLC	-	-	89.890	2.126.212.448
GMC	-	-	72.240	1.691.186.666
HAG	-	-	70.000	1.535.334.003
RAL	-	-	4.240	227.248.312
SZL	-	-	39.220	654.223.486
VPK	-	-	67.650	2.233.102.363
VTV	98.400	1.495.869.735	-	-
PHH	751.200	6.038.565.087	-	-
FPT	395.480	18.029.626.742	-	-
MBB	392.400	5.353.989.420	-	-
REE	210.000	5.554.086.000	-	-
VTO	179.930	1.360.649.592	-	-
TCO	177.620	2.227.913.611	-	-
L10	161.000	2.314.954.499	-	-
HAG	100.000	2.463.690.000	-	-
GAS	50.000	5.205.296.300	-	-
VCG	42.600	578.400.548	-	-
VHC	35.000	1.054.812.000	-	-
PVS	10.000	269.204.000	-	-
TNG	1.900	25.227.925	-	-
Trái phiếu đầu tư ngắn hạn (Trái phiếu chuyển đổi CH)		2.860.000.000	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác		711.466.610.000		583.290.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống		659.770.000.000		558.770.000.000
Ủy thác đầu tư ngắn hạn		51.696.610.000		24.520.000.000
Cộng		786.107.525.111		627.203.364.808
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(1.806.632.181)		(111.620.503)
Giá trị thuần của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		784.300.892.930		627.091.744.305

(*) Là dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn.

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu về phí bảo hiểm gốc	184.187.157.734	162.364.270.787
Phải thu về tái bảo hiểm	-	19.838.217.782
Phải thu khác của khách hàng	25.653.832.341	13.441.118.950
Cộng	209.840.990.075	195.643.607.519

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯỞI ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc	37.506.608.566	50.232.848.217
Trả trước khác về hoạt động bảo hiểm gốc	580.227.929	173.872.441
Trả trước cho nhà cung cấp khác	5.150.410.301	6.072.318.671
Cộng	<u>43.237.246.796</u>	<u>56.479.039.329</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi dự thu hoạt động tài chính	68.898.412.104	80.230.511.731
Phải thu lại tiền bồi thường đã thanh toán cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Khải Thành (do tòa án đã có quyết định P/TI không phải bồi thường)	5.614.181.754	5.614.181.754
Phải thu bồi thường hộ, giám định hộ	-	2.099.933.058
Các khoản phải thu khác	82.391.566.777	27.930.561.048
Cộng	<u>156.904.160.635</u>	<u>115.875.187.591</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dưới 1 năm	1.761.849.980	2.495.886.336
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	3.952.807.553	3.522.272.249
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	5.652.545.073	5.558.636.852
Từ 3 năm trở lên	47.275.971.188	38.126.145.224
Cộng	<u>58.643.173.794</u>	<u>49.702.940.660</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ	47.764.221.272	-
Chi phí khác	1.446.229.667	1.031.060.826
Cộng	<u>49.210.450.939</u>	<u>1.031.060.826</u>

Trong đó: Chi phí hoa hồng chờ phân bổ

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	-
Số phát sinh trong kỳ	47.764.221.272	-
Số đã phân bổ vào chi phí trong kỳ	-	-
Cộng	<u>47.764.221.272</u>	<u>-</u>

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng	826.841.262	318.455.477
Thuế thu nhập cá nhân	319.083.513	278.342.842
Các loại thuế khác	236.888.589	73.098.602
Cộng	<u>1.382.813.364</u>	<u>669.896.921</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**9. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	32.322.611.355	17.614.590.891
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.642.079.931	3.197.261.263
Cộng	<u>34.964.691.286</u>	<u>20.811.852.154</u>

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	10.397.348.781	8.704.832.176	52.307.068.467	10.725.962.388	82.135.211.812
Tăng do mua sắm mới	-	540.046.207	4.640.220.000	3.783.700.000	8.963.966.207
Tăng do XDCB hoàn thành	-	4.757.082.201	-	-	4.757.082.201
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>10.397.348.781</u>	<u>14.001.960.584</u>	<u>56.947.288.467</u>	<u>14.509.662.388</u>	<u>95.856.260.220</u>
<i>Trong đó:</i> Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	14.960.065.804	6.795.271.425	21.755.337.229
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	2.170.147.206	4.039.488.265	31.150.395.644	8.727.699.239	46.087.730.354
Khấu hao trong kỳ	104.171.730	798.809.128	1.798.254.135	1.111.614.420	3.812.849.413
Số cuối kỳ	<u>2.274.318.936</u>	<u>4.838.297.393</u>	<u>32.948.649.779</u>	<u>9.839.313.659</u>	<u>49.900.579.767</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	8.227.201.575	4.665.343.911	21.156.672.823	1.998.263.149	36.047.481.458
Số cuối kỳ	<u>8.123.029.845</u>	<u>9.163.663.191</u>	<u>23.998.638.688</u>	<u>4.670.348.729</u>	<u>45.955.680.453</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Dang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	44.795.404.000	3.449.273.011	48.244.677.011
Mua sắm mới trong kỳ	-	772.400.000	772.400.000
Số cuối kỳ	<u>44.795.404.000</u>	<u>4.221.673.011</u>	<u>49.017.077.011</u>
<i>Trong đó:</i> Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.352.000.000	1.352.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	2.511.096.457	2.511.096.457
Khấu hao trong kỳ	-	381.728.838	381.728.838
Số cuối kỳ	<u>-</u>	<u>2.892.825.295</u>	<u>2.892.825.295</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	44.795.404.000	938.176.554	45.733.580.554
Số cuối kỳ	<u>44.795.404.000</u>	<u>1.328.847.716</u>	<u>46.124.251.716</u>
<i>Trong đó:</i> Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Dang chờ thanh lý	-	-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**12. Chi phí xây dựng cơ bản**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển trong kỳ	Số cuối kỳ
XDCB dở dang	124.672.384.222	1.420.940.732	(4.757.082.201)	(2.597.971)	121.333.644.782
<i>Chi phí mua Sàn Handico 6</i>	<i>34.911.649.250</i>	-	-	-	<i>34.911.649.250</i>
<i>Sàn Thương mại Thủy lợi 4</i>	<i>83.795.454.546</i>	<i>575.000.000</i>		-	<i>84.370.454.546</i>
<i>Công trình inbuilding</i>	<i>5.965.280.426</i>	<i>845.940.732</i>	<i>(4.757.082.201)</i>	<i>(2.597.971)</i>	<i>2.051.540.986</i>
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	359.000.000	-	-	359.000.000
Cộng	124.672.384.222	1.779.940.732	(4.757.082.201)	(2.597.971)	121.692.644.782

13. Bất động sản đầu tư

Là giá trị 909,8 m2 quyền sử dụng đất lâu dài tại Hòa Phú, Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD586180 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 11 tháng 01 năm 2011.

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện ^(a)	49%	88.781.377.636	49%	89.032.805.861
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang ^(b)	40%	12.554.358.238	40%	12.365.608.249
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử ^(c)	21,3%	11.088.327.899	21,3%	11.647.802.282
Cộng		112.424.063.773		113.046.216.392

Giá trị phần sở hữu của Tổng Công ty tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phản lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận đã nhận trong kỳ	Các khoản tăng, giảm khác	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
(a)	89.032.805.861	(251.428.225)		-	88.781.377.636
(b)	12.365.608.249	861.579.703	(627.520.000)	(45.309.714)	12.554.358.238
(c)	11.647.802.282	56.997.617	(510.472.000)	(106.000.000)	11.088.327.899
Cộng	113.046.216.392	667.149.095	(1.137.992.000)	(151.309.714)	112.424.063.773

15. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<i>Đầu tư cổ phiếu</i>		<i>60.695.000.000</i>		<i>60.695.000.000</i>
Công ty Cổ phần Trúc Thôn	300.000	3.600.000.000	300.000	3.600.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Út Xi	1.000.000	15.000.000.000	1.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện	294.000	2.940.000.000	294.000	2.940.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ số liệu Toàn Cầu	1.708.000	17.080.000.000	1.708.000	17.080.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Huawei Việt Nam	580.000	5.800.000.000	580.000	5.800.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Thế hệ mới	75.000	750.000.000	75.000	750.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Phương Nam	1.250.000	14.900.000.000	1.250.000	14.900.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	62.500	625.000.000	62.500	625.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn		250.000.000		154.400.000.000
Ủy thác quản lý danh mục đầu tư		9.861.381.283		9.861.381.283
Cho vay ủy thác		68.998.108.803		70.850.308.803
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long		34.264.000.000		34.264.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải – Chi nhánh Hà Nội		22.500.000.000		22.500.000.000
Trung tâm kinh doanh Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam		12.234.108.803		14.086.308.803
Đầu tư dài hạn khác		61.010.347.222		61.010.347.222
Đầu tư dự án kinh doanh bất động sản qua Công ty CP bất động sản Bưu điện		61.010.347.222		42.910.347.222
Ủy thác quản lý vốn qua Công ty CP Bất Động sản Bưu điện		-		18.100.000.000
Cộng		200.814.837.308		356.817.037.308

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:

- Tắt toán khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm số tiền: 154.000.000.000 VND.
- Thu gốc tiền gửi ủy thác Trung tâm kinh doanh Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, số tiền: 1.852.200.000 VND.
- Chuyển đổi khoản ủy thác quản lý vốn qua Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện sang hình thức hợp tác đầu tư dự án kinh doanh bất động sản số tiền 18.100.000.000 VND.

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.498.444.593	4.335.482.354
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	-	3.088.467.175
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(925.504.936)
Số cuối kỳ	6.498.444.593	6.498.444.593

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	826.766.418	2.363.538.707
Chi phí thuê nhà	2.743.451.112	3.462.322.861
Chi phí phát triển đại lý	824.073.787	1.446.990.993
Các khoản chi phí khác	1.378.305.968	2.134.318.112
Cộng	5.772.597.285	9.407.170.673

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**18. Vay ngắn hạn**

Là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Tình hình biến động khoản vay ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	3.500.000.000
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(3.500.000.000)
Số cuối kỳ	-

19. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	62.142.677.292	51.004.435.306
Phải trả về hoàn phí bảo hiểm	18.085.389	18.085.389
Phải trả về hoạt động tái bảo hiểm	12.567.453.962	30.478.784.491
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	-	5.480.674.208
Phải trả cho nhà cung cấp khác	23.944.880.445	18.875.564.158
Cộng	98.673.097.088	105.857.543.552

20. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người mua trả tiền trước bảo hiểm gốc	9.666.861.635	4.256.561.286
Người mua trả tiền trước khác	392.462.384	87.815.925
Cộng	10.059.324.019	4.344.377.211

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.315.000.427	6.194.310.038
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.020.598.745	13.361.252.955
Thuế thu nhập cá nhân	977.437.676	1.653.668.293
Các loại thuế khác	143.754.740	139.181.313
Cộng	17.456.791.588	21.348.412.599

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10 %.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty phải nộp thuế TNDN cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50.486.414.150	33.819.947.439
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(311.414.830)	(4.725.622.404)
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.401.577.170	134.130.836
Lỗi của công ty Xăng dầu	859.063.946	-
Chi phí không hợp lệ	71.670.319	881.204

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯỞI ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ từ công ty liên kết	470.842.905	133.249.632
- Các khoản điều chỉnh giảm	<i>(1.712.992.000)</i>	<i>(4.859.753.240)</i>
Cổ tức và lợi nhuận được chia	<i>(1.712.992.000)</i>	<i>(4.389.040.000)</i>
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước đã thực hiện trong kỳ	-	<i>(190.713.240)</i>
Lợi thế thương mại	-	<i>(280.000.000)</i>
Thu nhập chịu thuế	50.174.999.319	29.094.325.035
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗ các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	50.174.999.319	29.094.325.035
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	11.038.499.851	7.273.581.259
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	<i>(19.513.944)</i>	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	11.018.985.907	7.273.581.259

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

22. Chi phí phải trả

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Chi phí phát triển kinh doanh	12.253.000.000	-
Chi phí đồng phục năm 2014	1.630.060.000	-
Tiền thuê nhà	1.182.257.370	-
Chi phí khác	54.114.014	369.389.019
Cộng	15.119.431.384	369.389.019

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	1.029.861.168	774.865.492
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	826.411.646	434.419.602
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	57.381.368.485	7.039.587.450
Thuế nhà thầu tạm giữ	1.906.933.584	2.247.788.899
Phải trả phải nộp khác	41.907.654.496	27.461.399.085
Cộng	103.052.229.379	37.958.060.528

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

24. Dự phòng nghiệp vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này					
	Năm nay		Năm trước			
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần	Dự phòng nhượng tái Bảo hiểm		
(1)	(2)	(3) = (1) - (2)	(4)	(5)	(6) = (4) - (5)	
Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng	408.773.700.732	204.743.170.325	204.030.530.407	338.721.229.595	150.476.074.147	188.245.155.448
<i>1. Dự phòng bồi thường</i>	403.409.461.834	204.743.170.325	198.666.291.509	335.356.990.697	150.476.074.147	184.880.916.550
Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	5.364.238.898	-	5.364.238.898	3.364.238.898	-	3.364.238.898
Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	784.584.099.200	155.033.417.739	629.550.681.461	744.313.042.978	125.900.273.817	618.412.769.161
2. Dự phòng phí chưa được hưởng	1.193.357.799.932	359.776.588.064	833.581.211.868	1.083.034.272.573	276.376.347.964	806.657.924.609
Cộng	408.773.700.732	204.743.170.325	204.030.530.407	338.721.229.595	150.476.074.147	188.245.155.448
<i>Trong đó chi tiết:</i>						
Dự phòng bồi thường	317.364.237.763	163.216.150.725	154.148.087.038	310.775.683.682	163.216.150.725	147.559.532.957
Số dư đầu năm	91.409.462.969	41.527.019.600	49.882.443.369	27.945.545.913	-	27.945.545.913
Số trích lập trong năm/kỳ	-	-	-	-	(12.740.076.578)	12.740.076.578
Số hoàn nhập trong kỳ	-	-	-	-	150.476.074.147	188.245.155.448
Số dư cuối kỳ	408.773.700.732	204.743.170.325	204.030.530.407	338.721.229.595	150.476.074.147	188.245.155.448
Dự phòng phí chưa được hưởng	760.018.973.868	125.845.725.944	634.173.247.924	844.126.526.022	250.146.572.314	593.979.953.708
Số dư đầu năm	24.565.125.332	29.187.691.795	(4.622.566.463)	(99.813.483.044)	-	24.432.815.453
Số trích lập trong năm/kỳ	-	-	-	-	(124.246.298.497)	-
Số hoàn nhập trong kỳ	784.584.099.200	155.033.417.739	629.550.681.461	744.313.042.978	125.900.273.817	618.412.769.161

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**Dự phòng giao động lớn**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	năm trước
Số dư đầu năm	36.507.948.736	23.562.893.609
Số trích lập thêm trong kỳ	6.388.477.238	6.429.672.232
Số dư cuối kỳ	42.896.425.974	29.992.565.841

Tài sản Tái bảo hiểm

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</i>	<i>204.743.170.325</i>	<i>163.216.150.725</i>
Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	204.743.170.325	163.216.150.725
Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	-	-
<i>Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm</i>	<i>155.033.417.739</i>	<i>125.845.725.944</i>
Cộng	359.776.588.064	289.061.876.669

25. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ ký cược dài hạn.

1-T
 AN
 C
 VA T
 HUU
 TY B
 /8/

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

26. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Năm 2013							
Số dư đầu năm	503.957.090.000	-	60.296.215.488	16.833.594.811	22.449.937.984	58.242.277.513	661.779.115.796
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	54.853.290.963	54.853.290.963
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	661.029.864	26.172.692	(2.127.119.519)	(1.439.916.963)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(55.435.279.900)	(55.435.279.900)
Chi thù lao và thưởng HĐQT	-	-	-	-	-	(641.429.864)	(641.429.864)
Giảm thay đổi tỷ lệ lợi ích trong Công ty con	-	-	-	-	-	368.955.669	368.955.669
Tăng do hợp nhất báo cáo Công ty liên kết	-	-	-	-	-	(384.141.974)	(384.141.974)
Chia lãi bên liên doanh	-	-	-	-	-	(314.720.876)	(314.720.876)
Giảm khác	-	-	-	(2.940.000)	-	-	(2.940.000)
Số dư cuối năm	503.957.090.000	-	60.296.215.488	17.491.684.675	22.476.110.676	54.561.832.012	658.782.932.851
6 tháng đầu năm 2014							
Số dư đầu năm nay	503.957.090.000	-	60.296.215.488	17.491.684.675	22.476.110.676	54.561.832.012	658.782.932.851
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	-	39.507.655.638	39.507.655.638
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	-	-	2.712.821.970	(3.255.386.364)	(542.564.394)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	(50.938.273.394)	(50.938.273.394)
Trích quỹ tại IBS	-	-	-	20.000.000	-	(69.000.000)	(49.000.000)
Thù lao HĐQT tại IBS	-	-	-	-	-	(147.000.000)	(147.000.000)
Chia lãi cho bên liên doanh tại Công ty Xăng dầu	-	-	-	-	-	(106.780.297)	(106.780.297)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(151.309.714)	(151.309.714)
Số dư cuối kỳ	503.957.090.000	-	60.296.215.488	17.511.684.675	25.188.932.646	39.401.737.881	646.355.660.690

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	503.957.090.000	503.957.090.000
Thặng dư vốn cổ phần	60.296.215.488	60.296.215.488
Cộng	564.253.305.488	564.253.305.488

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.400.000	50.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	50.395.709	50.395.709
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	50.395.709	50.395.709

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự trữ bắt buộc để bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty.

27. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	955.172.623	4.310.832.819
Lợi ích sau thuế của cổ đông thiểu số	(40.227.395)	(34.723.905)
Tăng do góp vốn bổ sung	5.000.000	(2.800.000.000)
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(24.000.000)	(121.200.000)
Giảm do chia lãi cho các bên liên doanh	(7.219.703)	(21.279.124)
Giảm do trích quỹ KGPL, chi trả thù lao HĐQT	(4.000.000)	-
Tăng/giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu của CĐT S	-	(378.457.167)
Số cuối năm/kỳ	884.725.525	955.172.623

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bảo hiểm gốc	755.446.645.510	688.062.710.361
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(13.549.079.905)	(11.861.485.425)
Phí nhận tái bảo hiểm	40.682.523.379	48.834.143.660
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(2.375.366.205)	-
Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(24.565.125.331)	(24.432.815.453)
Doanh thu thuần	755.639.597.448	700.602.553.143

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯỞI ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**2. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động kinh doanh xăng dầu	37.291.452.584	140.417.243.230
Doanh thu cung cấp thiết bị viễn thông và công trình inbuilding	12.670.568.397	10.854.755.162
Cộng	49.962.020.981	151.271.998.392

3. Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn xăng dầu đã bán	36.123.976.615	137.085.600.086
Giá vốn thiết bị viễn thông và công trình inbuilding đã cung cấp	9.735.869.334	8.650.632.483
Cộng	45.859.845.949	145.736.232.569

4. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khác	195.289.679	-
Chi phí hoạt động kinh doanh xăng dầu	950.897.964	1.054.550.662
Cộng	1.146.187.643	1.054.550.662

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	103.233.105.285	73.176.040.627
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.973.664.535	12.639.084.147
Chi phí công cụ, dụng cụ quản lý	3.299.980.734	4.292.679.913
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.547.447.204	4.447.658.370
Thuế, phí và lệ phí	3.497.193.280	2.753.979.423
Chi phí dự phòng	8.990.233.134	5.887.389.732
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.018.948.231	28.772.261.988
Chi phí khác bằng tiền	29.504.023.949	64.581.109.258
Cộng	185.064.596.352	196.550.203.458

6. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	30.406.665.370	35.424.028.622
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	122.838.726	915.106.159
Lãi tiền cho vay ủy thác	1.249.292.332	2.139.497.379
Lãi kinh doanh chứng khoán	17.026.267.994	7.258.557.845
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.712.992.000	4.389.040.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	475.731.983	218.506.153
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	-	1.820.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	341.914	1.121.555.682
Cộng	50.994.130.319	53.286.291.840

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	273.625.941	40.617.225
Lỗ kinh doanh chứng khoán	10.919.214.384	3.962.076.583
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác		57.976.480
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1.695.085.494	7.504.673.640
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	(1.285.863.466)
Chi phí lãi vay	8.555.555	1.136.250.959
Chi phí tài chính khác	6.229.517	94.160.535
Cộng	12.902.710.891	11.509.891.956

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	39.507.655.638	26.507.807.145
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	39.507.655.638	26.507.807.145
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	50.395.709	50.395.709
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	784	526

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	50.395.709	50.395.709
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	50.395.709	50.395.709

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương Ban điều hành	1.761.750.000	1.663.200.000
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	122.637.036	362.272.727
Cộng	1.884.387.036	2.025.472.727

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	Cổ đông sáng lập
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	Cổ đông sáng lập
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	Cổ đông sáng lập

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Tổng Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh</i>		
<i>Nhận tái bảo hiểm</i>		
Phí nhận tái bảo hiểm	432.067.671	36.710.524
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	110.216.942	11.293.258
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	111.130.438	91.943.242
<i>Nhượng tái bảo hiểm</i>		
Phí nhượng tái bảo hiểm	2.166.610.024	2.533.362.205
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	700.612.791	705.621.270
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	497.450.644	85.158.697
<i>Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam</i>		
<i>Nhận tái bảo hiểm</i>		
Phí nhận tái bảo hiểm	24.433.800.052	25.738.377.425
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	6.552.536.323	5.946.680.364
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	33.677.635.822	19.824.283.673
<i>Nhượng tái bảo hiểm</i>		
Phí nhượng tái bảo hiểm	28.132.404.554	18.961.091.753
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	5.517.107.504	3.884.695.724
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	11.013.255.123	3.514.339.600

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam	20.454.531.982	11.002.388.368
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	2.567.339.838	3.068.328.438
Cộng nợ phải trả	23.021.871.820	14.070.716.806

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tổng Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tổng Công ty cung cấp.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**Lĩnh vực kinh doanh**

Tổng Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực bảo hiểm: cung cấp các sản phẩm dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ.
- Lĩnh vực khác: kinh doanh sản phẩm thuộc lĩnh vực xăng dầu, kinh doanh thiết bị viễn thông và công trình inbuilding.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Kỳ này	Lĩnh vực kinh		Cộng
	doanh bảo hiểm	Lĩnh vực khác	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	659.404.386.260	49.962.020.981	709.366.407.241
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần	659.404.386.260	49.962.020.981	709.366.407.241
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	12.830.966.931	79.470.175	12.910.437.106
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			12.910.437.106
Doanh thu hoạt động tài chính			50.994.130.319
Chi phí tài chính			(12.902.710.891)
Thu nhập khác			143.365.784
Chi phí khác			(187.965.264)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết			(826.732.812)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(11.018.985.907)
Lợi nhuận sau thuế TNDN			39.111.538.336
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	16.826.058.106	860.690.732	17.686.748.838
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	13.343.338.197	4.646.908.138	17.990.246.335
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	639.978.461.228	151.271.998.392	791.250.459.620
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần	639.978.461.228	151.271.998.392	791.250.459.620
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(10.155.927.798)	2.110.834.693	(8.045.093.105)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(8.045.093.105)
Doanh thu hoạt động tài chính			53.286.291.840
Chi phí tài chính			(11.509.891.956)
Thu nhập khác			392.729.585
Chi phí khác			(170.839.293)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết			(133.249.632)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(7.273.581.259)
Lợi nhuận sau thuế TNDN			26.546.366.181

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22.695.643.318	1.970.333.716	24.665.977.034
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	14.444.145.739	1.128.298.190	15.572.443.929

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	Lĩnh vực bảo hiểm	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.153.303.757.372	49.878.440.868	2.203.182.198.240
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			-
Tổng tài sản			2.203.182.198.240
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.527.611.574.242	28.597.609.985	1.556.209.184.227
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			-
Tổng nợ phải trả			1.556.209.184.227
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.968.942.930.411	46.458.373.192	2.015.401.303.603
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			-
Tổng tài sản			2.015.401.303.603
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.332.144.832.315	23.518.365.814	1.355.663.198.129
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			-
Tổng nợ phải trả			1.355.663.198.129

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Thay đổi chính sách kế toán

Trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán mới ban hành theo Thông tư 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 về việc “Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài”.

Theo đó, đối với hoạt động bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, chi phí hoa hồng đã phát sinh tương ứng với phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng sẽ chưa được tính vào chi phí kinh doanh bảo hiểm. Ngược lại, đối với hoạt động nhượng tái bảo hiểm, hoa hồng nhượng tái bảo hiểm sẽ chưa được ghi nhận vào thu nhập tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận. Ảnh hưởng của việc thay đổi chế độ kế toán mới làm giảm chi phí hoa hồng số tiền 47.764.221.272 VND và làm giảm doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm số tiền 17.564.995.616 VND. Phần chi phí hoa hồng và doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng này được trình bày trên chỉ tiêu “Chi phí hoa hồng chưa phân bổ” mã số 151.1 và chỉ tiêu “Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng” mã số 319.1 trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh của năm/kỳ trước như sau:

	Mã số trên BCTC		Số liệu theo BCTC năm trước/ kỳ trước	Các điều chỉnh	Số liệu theo BCTC tổng hợp giữa niên độ kỳ này	Ghi chú
	Năm trước/ kỳ trước	Kỳ này				
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ						
Tạm ứng	151	158	17.614.590.891	(17.614.590.891)	-	Trình bày cộng góp vào chi tiêu "các khoản phải thu khác"
Các khoản cầm cố, kỳ quỹ ngắn hạn	154	154	3.197.261.263	(3.197.261.263)	-	Trình bày cộng góp vào chi tiêu "các khoản phải thu khác"
Tài sản ngắn hạn khác	158	158	-	20.811.852.154	20.811.852.154	Cộng Góp thêm chi tiêu "tạm ứng" và "các khoản cầm cố, kỳ quỹ ngắn hạn"
Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191	191	-	125.845.725.944	125.845.725.944	Được bù trừ vào chi tiêu "Dự phòng phí" trên BCTC năm trước
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192	192	-	163.216.150.725	163.216.150.725	Được bù trừ vào chi tiêu "Dự phòng phí" trên BCTC năm trước
Cầm cố, kỳ quỹ, kỳ cược dài hạn khác	242	242	4.900.328.240	(4.900.328.240)	-	Trình bày cộng góp vào chi tiêu "Tài sản dài hạn khác"
Tài sản dài hạn khác	268	268	-	4.900.328.240	4.900.328.240	Cộng góp thêm chi tiêu "Cầm cố kỳ quỹ kỳ cược dài hạn khác"
Cộng tài sản			25.712.180.394	289.061.876.669	314.774.057.063	
Dự phòng nghiệp vụ	330	329	824.829.283.698	289.061.876.669	1.113.891.160.367	Do bù trừ các chi tiêu dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc, nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm
Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1	329.1	-	760.018.973.868	760.018.973.868	Số liệu được bù trừ vào chi tiêu Dự phòng phí trên BCTC năm trước
Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2	329.2	-	317.364.237.763	317.364.237.763	Số liệu được bù trừ vào chi tiêu Dự phòng bồi thường trên BCTC năm trước

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Mã số trên BCTC		Số liệu theo BCTC năm trước/ kỳ trước	Số liệu theo BCTC giữa niên độ kỳ này	Ghi chú
	Năm trước/ kỳ trước	Kỳ này			
<i>Dự phòng phí</i>	331		634.173.247.924	(634.173.247.924)	<i>Số liệu được trình bày trên 2 chi tiêu: "Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm" và "Dự phòng phí nhưng tái bảo hiểm"</i>
<i>Dự phòng bồi thường</i>	333		154.148.087.038	(154.148.087.038)	
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	343		1.290.163.136	(1.290.163.136)	
Phải trả dài hạn khác		333		1.290.163.136	Trình bày cộng gộp vào chi tiêu "Phải trả dài hạn khác"
Cộng nguồn vốn			1.614.440.781.796	289.061.876.669	Cộng Gộp thêm chi tiêu "Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn"
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ					
Phí bảo hiểm gốc		01.1	-	676.201.224.936	
Thu phí bảo hiểm gốc	01		688.062.710.361	(688.062.710.361)	
Giảm phí bảo hiểm	05		3.648.707.059	(3.648.707.059)	Cộng gộp vào chi tiêu "Phi bảo hiểm gốc" trên BCTC kỳ này
Hoàn phí bảo hiểm	06		8.212.778.366	(8.212.778.366)	
Tổng chi bồi thường		11.1		309.273.585.088	
Chi bồi thường Bảo hiểm gốc	15		284.785.967.456	(284.785.967.456)	Cộng gộp vào chi tiêu "Tổng chi bồi thường" trên BCTC kỳ này
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16		24.487.617.632	(24.487.617.632)	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Mã số trên BCTC		Số liệu theo BCTC năm trước/ kỳ trước	Các điều chỉnh	Số liệu theo BCTC tổng hợp giữa niên độ kỳ này	Ghi chú
	Năm trước/ kỳ trước	Kỳ này				
Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	19	11.2	56.270.000	3.651.478.615	3.651.478.615	
Thu đòi người thứ ba bồi hoàn				(56.270.000)	-	Cộng gộp vào chỉ tiêu "Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)" trên BCTC kỳ này
Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%	20		3.595.208.615	(3.595.208.615)	-	
Chi hoa hồng bảo hiểm		17.1		85.708.284.966	85.708.284.966	
Chi hoa hồng - hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	27		75.635.663.249	(75.635.663.249)	-	
Chi hoa hồng - hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm	35		10.072.621.717	(10.072.621.717)	-	Cộng gộp vào chỉ tiêu "Chi hoa hồng bảo hiểm" trên BCTC kỳ này
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		17.2		50.200.837.725	50.200.837.725	
Chi giám định tổn thất- hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	28		3.022.387.447	(3.022.387.447)	-	Cộng gộp vào chỉ tiêu "Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm" trên BCTC kỳ này
Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	31		34.296.374	(34.296.374)	-	Cộng gộp vào chỉ tiêu "Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm" trên BCTC kỳ này
Chi để phòng hạn chế rủi ro, tổn thất- hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	32		3.076.182.586	(3.076.182.586)	-	Cộng gộp vào chỉ tiêu "Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm" trên BCTC kỳ này

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Mã số trên BCTC		Số liệu theo BCTC năm trước/ kỳ trước	Các điều chỉnh	Số liệu theo BCTC tổng hợp giữa niên độ kỳ này	Ghi chú
	Năm trước/ kỳ trước	Kỳ này				
Chi khác – hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	33		4.704.056.096	(4.704.056.096)	-	Cộng gộp vào chi tiêu "Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm" trên BCTC kỳ này
Chi khác - hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm	38		566.667.267	(566.667.267)	-	Cộng gộp vào chi tiêu "Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm" trên BCTC kỳ này
Chi phí bán hàng	43	26.1	39.851.798.617	(38.797.247.955)	1.054.550.662	Cộng gộp vào chi tiêu "Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm" trên BCTC kỳ này
Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	41	18	417.157.318.081	38.797.247.955	455.954.566.036	Cộng gộp thêm chi tiêu "chi phí bán hàng" trên BCTC năm trước

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tổng Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Khoản phải thu khách hàng của Tổng Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tổng Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.946.756.238	-	-	-	66.946.756.238
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	47.264.542.400	-	-	24.516.372.711	71.780.915.111
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	790.028.456.025	-	-	-	790.028.456.025
Phải thu khách hàng	160.253.571.893	-	-	49.587.418.182	209.840.990.075
Các khoản phải thu khác	154.222.042.210	-	-	20.834.967.592	175.057.009.802
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	76.271.610.000	-	-	45.981.381.283	122.252.991.283
Cộng	1.294.986.978.766	-	-	140.920.139.768	1.435.907.118.534

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.283.085.159	-	-	-	46.283.085.159
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	38.681.494.305	-	-	5.231.870.503	43.913.364.808
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	845.030.656.025	-	-	-	845.030.656.025
Phải thu khách hàng	143.253.297.841	-	-	52.390.309.678	195.643.607.519
Các khoản phải thu khác	113.917.809.503	-	-	20.834.967.592	134.752.777.094
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	49.095.000.000	-	-	45.981.381.283	95.076.381.283
Cộng	1.236.261.342.833	-	-	124.438.529.056	1.360.699.871.888

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tổng Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	98.673.097.088	-	-	98.673.097.088
Các khoản phải trả khác	116.315.387.949	1.337.163.136	-	117.652.551.085
Cộng	214.988.485.037	1.337.163.136	-	216.325.648.173
Số đầu năm				
Vay và nợ	3.500.000.000	-	-	3.500.000.000
Phải trả người bán	105.857.543.552	-	-	105.857.543.552
Các khoản phải trả khác	37.118.164.453	1.290.163.136	-	38.408.327.589
Cộng	146.475.708.005	1.290.163.136	-	147.765.871.141

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tổng Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2014 và ngày 30 tháng 6 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tổng Công ty như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.946.756.238	46.283.085.159
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	790.028.456.025	845.030.656.025
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	856.975.212.263	891.313.741.184

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tổng Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá các chứng khoán Tổng Công ty đang đầu tư tăng/giảm 1% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm 6.427.314.092 VND (năm trước tăng/giảm 6.684.853.059 VND) do giảm/lãng dự phòng. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của giá chứng khoán cuối kỳ này không thay đổi nhiều so với năm trước. Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của giá chứng khoán cuối kỳ này tăng/giảm so với năm trước do Tổng Công ty thay đổi cơ cấu đầu tư chứng khoán và giá chứng khoán đầu năm và cuối kỳ không biến động lớn.

Tài sản đảm bảo

Tổng Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 01 tháng 01 năm 2014 và tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính *Tài sản tài chính*

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.946.756.238	-	46.283.085.159	-	66.946.756.238	46.283.085.159
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	71.780.915.111	(1.806.632.181)	43.913.364.808	(111.620.503)	72.834.282.930	43.801.744.305
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	790.028.456.025	-	845.030.656.025	-	790.028.456.025	845.030.656.025
Phải thu khách hàng	209.840.990.075	(37.808.206.202)	195.643.607.519	(28.867.973.068)	172.032.783.873	166.775.634.451
Các khoản phải thu khác	175.057.009.802	(20.834.967.592)	134.752.777.094	(20.834.967.592)	154.222.042.210	113.917.809.502
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	122.252.991.283	(6.498.444.593)	95.076.381.283	(6.498.444.593)	115.754.546.690	88.577.936.690
Cộng	1.435.907.118.534	(66.948.250.568)	1.360.699.871.888	(56.313.005.756)	1.371.818.867.966	1.304.386.866.132

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	-	3.500.000.000	-	3.500.000.000
Phải trả người bán	98.673.097.088	105.857.543.552	98.673.097.088	105.857.543.552
Các khoản phải trả khác	117.652.551.085	38.408.327.589	117.652.551.085	38.408.327.589
Cộng	216.325.648.173	147.765.871.141	216.325.648.173	147.765.871.141

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tổng Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Tổng Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ này	Kỳ trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
<i>Cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	75,09	65,17
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	24,91	34,83
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	70,63	67,27
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	29,33	32,69
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,42	1,49
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,08	1,00
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,04	0,04
Khả năng thanh toán nợ dài hạn	Lần	20,99	18,66
Tỷ suất sinh lời			
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	7,12	4,27
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	5,56	3,35
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	2,29	1,68
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	1,79	1,32
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</i>	%	6,11	4,03

7. **Biên khả năng thanh toán** (Xem phụ lục trang 55-56)

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Khuê

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trường Giang



BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN

	Giá trị hạch toán	Tỷ lệ loại trừ	6 tháng năm 2014
I. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả	663,297,695,675		647,240,386,215
1. Tổng Tài sản doanh nghiệp			2,203,449,570,442
2. Nợ phải trả			1,556,209,184,227
II. Giá trị tài sản bị loại trừ	1,478,016,386,534		304,613,818,740
1. Các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán	82,243,879,805		82,243,879,805
Các khoản góp vốn để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm khác từ nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp Bảo hiểm	11,700,000,000	100%	11,700,000,000
1.1 Tài sản tương ứng với quỹ khen thưởng phúc lợi	842,947,404	100%	842,947,404
1.2 Các khoản công nợ không có khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật sau khi trừ đi các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng	-	100%	-
1.3 Tài sản cố định vô hình (trừ phần mềm máy tính)	-	100%	-
1.4 Chi phí trả trước, cho vay không có bảo lãnh, các khoản tạm ứng, trang thiết bị và đồ dùng văn phòng, các khoản phải thu nội bộ	39,541,438,307	100%	39,541,438,307
1.5 Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn trên 2 năm sau khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật	3,663,884,386	100%	3,663,884,386
1.6 Các khoản cho vay, đầu tư trở lại cho các cổ đông hoặc người có liên quan quy định tại Điều 4 Luật Doanh nghiệp trừ trường hợp là các khoản tiền gửi ngân hàng	26,495,609,708	100%	26,495,609,708
2. Các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán	1,395,772,506,730		222,369,938,935
2.1 Các Tài sản đầu tư	293,997,281,733		49,708,665,533
a) Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh: loại trừ 1% giá trị hạch toán;	-	1%	-
b) Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh: loại trừ 3% giá trị hạch toán;	-	3%	-
c) Cổ phiếu được niêm yết: loại trừ 15% giá trị hạch toán;	57,519,414,206	15%	8,627,912,131
d) Cổ phiếu không được niêm yết: loại trừ 20% giá trị hạch toán;	60,695,000,000	20%	12,139,000,000
d) Đầu tư trực tiếp vào bất động sản do chính doanh nghiệp sử dụng: loại trừ 8% giá trị hạch toán;	51,790,167,527	8%	4,143,213,402
e) Đầu tư trực tiếp vào bất động sản để cho thuê, các khoản cho vay thương mại có bảo lãnh: loại trừ 15% giá trị hạch toán;	-	15%	-
g) Vốn góp vào các doanh nghiệp khác trừ doanh nghiệp bảo hiểm: loại trừ 20% giá trị hạch toán.	123,992,700,000	20%	24,798,540,000

BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN

	Giá trị hạch toán	Tỷ lệ loại trừ	6 tháng năm 2014
2.2 Các khoản phải thu	8,063,790,840		3,209,698,763
Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn từ 180 ngày đến dưới 01 năm sau khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật: loại trừ 30%	4,110,983,288	30%	1,233,294,986
Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm sau khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật: loại trừ 50%	3,952,807,553	50%	1,976,403,776
2.3 Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính và hàng tồn kho: loại trừ 25% giá trị hạch toán	53,948,595,159	25%	13,487,148,790
2.4 Tài sản khác: loại trừ 15% giá trị hạch toán	1,039,762,838,998	15%	155,964,425,850
III. Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp (I-II)			342,626,567,475
IV. Biên khả năng thanh toán tối thiểu			
25% Tổng phí bảo hiểm giữ lại	638,847,723,787	25%	159,711,930,947
So sánh Biên khả năng thanh toán và Biên khả năng thanh toán tối thiểu (III và IV)			
Chênh lệch theo số tuyệt đối			182,914,636,529
Chênh lệch theo tỷ lệ %			215%

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Khuê

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trường Giang